

Hệ thống văn bằng của Trường Đại học dân lập Văn Hiến thành phố Hồ Chí Minh nằm trong hệ thống văn bằng quốc gia.

*Điều 3.-* Trường Đại học dân lập Văn Hiến thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo pháp luật, theo Quy chế Đại học dân lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo Điều lệ riêng của Trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê chuẩn.

*Điều 4.-* Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*  
NGUYỄN KHÁNH

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 518-TTg ngày 11-7-1997 về việc thành lập Đại học dân lập Hồng Bàng.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2564-TCCB ngày 31-7-1995,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.-* Cho phép thành lập Trường Đại học dân lập Hồng Bàng.

*Điều 2.-* Trường Đại học dân lập Hồng Bàng là cơ sở đào tạo đại học chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Trụ sở của Trường đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ thống văn bằng của Trường Đại học dân lập Hồng Bàng nằm trong hệ thống văn bằng quốc gia.

*Điều 3.-* Trường Đại học dân lập Hồng Bàng hoạt động theo pháp luật, theo Quy chế Đại học dân lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo Điều lệ riêng của Trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê chuẩn.

*Điều 4.-* Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*  
NGUYỄN KHÁNH

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 532-TTg ngày 12-7-1997 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 4552 - UB/TH ngày 23-12-1996 và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1891-BKH/VPTĐ ngày 3-4-1997,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Điều 1.-* Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010 với định hướng chủ yếu sau:

**I. Vị trí, chức năng.**

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị lớn, một trung tâm nhiều chức năng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm thành phố Hồ Chí Minh - Sông Bé - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu; là



trung tâm phát triển của khu vực phía Nam và cả nước. Từng bước phát triển thành phố thành trung tâm hiện đại; liên kết chặt chẽ về quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với các tỉnh Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Tây Nguyên và Nam Trung bộ để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường, góp sức cùng cả nước mở rộng hợp tác, nâng cao sức cạnh tranh của kinh tế nước ta trên thị trường khu vực và quốc tế.

## II. Mục tiêu phát triển chung.

1. Duy trì tốc độ tăng trưởng của thành phố cao hơn mức bình quân chung của cả nước và phát triển một cách toàn diện, cân đối và bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng.

2. Tạo sự chuyển biến đồng bộ, mạnh mẽ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế (đặc biệt là các ngành sản xuất và dịch vụ then chốt) với cơ cấu kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu. Hình thành một cơ cấu các thành phần kinh tế hợp lý, liên kết hỗ trợ lẫn nhau, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước.

3. Hạn chế tăng dân số và phân bố lại hợp lý dân cư trong vùng và trên địa bàn thành phố. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm học vấn, nghề nghiệp và thể chất. Coi trọng phát triển khoa học, công nghệ, văn hóa - nghệ thuật tương xứng với một trung tâm của khu vực. Khắc phục các tiêu cực và tệ nạn xã hội, phân hóa giàu nghèo.

4. Phát triển đồng bộ và đi trước một bước hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông đô thị. Song song với việc chỉnh trang, cải tạo nâng cấp khu vực đô thị cũ, phát triển nhanh các khu vực đô thị mới, đô thị hóa vùng nông thôn nhằm hạn chế mật độ dân cư tập trung quá mức ở các khu trung tâm; gia tăng mật độ cây xanh, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái, tiến tới xây dựng một đô thị văn minh, hiện đại.

5. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành và quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền thành phố; nghiên cứu đề xuất điều chỉnh, bổ sung những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách và luật pháp để tạo động lực mới, động viên sức dân tham gia xây dựng thành phố.

6. Giữ vững kỷ cương, trật tự công cộng, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng.

## III. Mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu chủ yếu.

### 1. Về dân số và nguồn lao động:

Hạn chế mức tăng dân số không quá 2,80%.

Đến năm 2010, quy mô dân số thành phố đạt khoảng 7,5 đến 8 triệu người, trong đó có khoảng 5 đến 6 triệu lao động. Giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm còn khoảng 5%.

### 2. Về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố bình quân từ nay đến năm 2000 là 13% và duy trì được tốc độ này trong những năm tiếp theo. Trong đó khu vực dịch vụ khoảng 14,4%; khu vực công nghiệp và xây dựng khoảng 14%; khu vực nông, lâm, ngư và khai thác khoảng 4% (năm 2010);

GDP bình quân đầu người đạt khoảng 1600 USD (năm 2000) và khoảng 4540 USD (năm 2010);

Đến năm 2010, cơ cấu GDP của thành phố tiếp tục phát triển theo hướng dịch vụ - công nghiệp nông nghiệp, trong đó dịch vụ chiếm 54%; công nghiệp 45,3%; nông - lâm - ngư và khai thác 0,7%; chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế quốc doanh khoảng 30%, ngoài quốc doanh khoảng 40% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khoảng 30%;

Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân từ nay đến năm 2000 và đến năm 2010 khoảng 22%; tốc độ tăng tổng kim ngạch nhập khẩu bình quân từ nay đến năm 2000 khoảng 24% và từ năm 2000 đến năm 2010 khoảng 19%.

Tổng vốn đầu tư thời kỳ 1996 - 2000 khoảng 133.641 tỷ đồng (khoảng 12,149 tỷ USD) và thời kỳ 2000 - 2010 khoảng 782.141 tỷ đồng (khoảng 71,103 tỷ USD).

### 3. Về phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng:

- Lượng điện nhận từ lưới: Khoảng 8.073 triệu Kwh (năm 2000) và khoảng 23.913 triệu Kwh (năm 2010);

- Lượng nước sản xuất: 1.250.000 m<sup>3</sup>/ngày (năm 2000) và 2.820.000m<sup>3</sup>/ngày (năm 2010);

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 7m<sup>2</sup> (năm 2000) và 12m<sup>2</sup> (năm 2010);

- Tăng diện tích thảm xanh đô thị bình quân đầu người trong khu vực nội thành hiện hữu lên 3,6m<sup>2</sup> (năm 2000) và 4m<sup>2</sup> (năm 2010); trong khu vực nội thành phát triển từ 30m<sup>2</sup> đến 35m<sup>2</sup> (sau năm 2000).



4. *Giáo dục*: Mặt bằng học vấn: Lớp 7,5 (năm 2000) và lớp 10 (năm 2010).

5. *Y tế*: Số giường bệnh: 16.900 (năm 2000) và 19.700 (năm 2010).

#### IV. Những nhiệm vụ phát triển chủ yếu.

1. Phát triển và hiện đại hóa các ngành, các lĩnh vực dịch vụ then chốt như thương mại, xuất nhập khẩu, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, thông tin viễn thông, khoa học - công nghệ và các dịch vụ khác phục vụ cho sản xuất, kinh doanh cũng như các mặt hoạt động đa dạng của thành phố và khu vực phía Nam. Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trong các trung tâm thương mại - tài chính - ngân hàng của cả nước và của khu vực Đông Nam Á.

2. Đầu tư đổi mới công nghệ, trang bị kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm các ngành công nghiệp hiện có. Tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như: cơ khí chế tạo; điện tử - công nghệ thông tin; công nghệ sinh học phục vụ chế biến nông, lâm, thủy - hải sản; công nghệ chế tạo vật liệu mới; các ngành công nghiệp chủ lực phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phát triển các khu công nghiệp của thành phố phù hợp với chiến lược phát triển và phân bố lực lượng sản xuất của toàn vùng, có mối quan hệ hợp tác và phân công hài hòa với các khu công nghiệp của các tỉnh lân cận trong một thể thống nhất. Từng bước di dời các cơ sở công nghiệp không còn thích hợp ở nội thành ra các khu công nghiệp tập trung. Phát triển công nghiệp phải đảm bảo môi trường bền vững.

3. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với công nghiệp chế biến. Chú trọng phát triển các loại rau, quả, thực phẩm sạch. Phát triển nông nghiệp đi đôi với xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật như: điện, giao thông, nước sạch, thông tin liên lạc, trường học, bệnh viện, nhà ở và phát triển giáo dục nâng cao mặt bằng văn hóa, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

4. Cải thiện đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thành phố nhằm nhanh chóng khắc phục tình trạng quá tải hiện nay, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho nhu cầu phát triển theo các mục tiêu đã đề ra. Tập trung đầu tư phát triển giao thông công cộng, nâng cấp sân bay, bến cảng...; phát triển đội tàu biển và các cơ sở dịch vụ vận tải biển. Phối hợp với các tỉnh lân

cận nâng cấp các quốc lộ 1A, 22, 13, 50, 51 và mở các trục đường giao thông mới nối liền thành phố với các vùng đô thị phát triển, các khu công nghiệp tập trung đang và sẽ hình thành theo quy hoạch. Nâng cấp và bổ sung hệ thống giao thông đối ngoại của thành phố cả về tuyến, công trình đầu mối và phương tiện vận tải thủy bộ, đảm bảo giao thông thuận lợi giữa thành phố với khu vực phía Nam, với cả nước và giao thông Xuyên Á.

Hệ thống giao thông vận tải, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, vệ sinh đô thị của thành phố phải được nâng cấp, phát triển từng bước theo kế hoạch, quy hoạch dài hạn, theo hướng hiện đại, ngang tầm trình độ về công nghệ và tổ chức quản lý của các đô thị văn minh tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Nghiên cứu, tổ chức thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị nhằm mục tiêu đưa thành phố Hồ Chí Minh trở thành một đô thị hiện đại và mang bản sắc dân tộc; giữ gìn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc tiêu biểu và cảnh quan thiên nhiên.

Đến năm 2010 hoàn thành cơ bản giải tỏa các khu nhà ở lụp xụp trên và ven kênh rạch, nạo vét, thông thoát nước thải thành phố. Kết hợp giải tỏa với bố trí lại dân cư, cải thiện điều kiện sống và làm việc cho đồng bào.

5. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội tương xứng với phát triển kinh tế và đáp ứng các yêu cầu của một trung tâm khu vực. Tổ chức đời sống dân cư đô thị theo hướng văn minh hiện đại nhưng phải giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc. Coi trọng việc đào tạo và nâng cao chất lượng giáo dục, tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

6. Quản lý chặt chẽ quá trình đô thị hóa và đầu tư, xây dựng. Kết hợp cải tạo, chỉnh trang khu đô thị cũ với mở rộng đô thị mới theo đúng quy hoạch và đảm bảo các chỉ tiêu về quy hoạch, kỹ thuật đô thị, kiến trúc, tiện ích công cộng và các chỉ tiêu khác của một đô thị hiện đại, văn minh.

Phát triển thành phố thành một đô thị đa trung tâm, nối kết với các tỉnh trong khu vực bằng những hành lang đô thị hóa. Hạn chế tăng dân số tự nhiên và cơ học kết hợp với bố trí lại dân cư. Khống chế dân số toàn thành phố đến năm 2010 khoảng 7,5 - 8 triệu người, trong đó tại 12 quận nội thành cũ khoảng 3 triệu người, các quận mới phát triển và các đô thị vùng ngoại vi khoảng 3 triệu người, vùng nông thôn ngoại thành khoảng 2 triệu



người. Thực hiện đồng thời việc cải tạo, chỉnh trang, hiện đại hóa 12 quận nội thành hiện nay với hình thành các quận mới ở vùng ven. Khẩn trương xây dựng các khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung nhằm tiếp nhận một bộ phận dân cư của nội thành chuyển ra.

Quy hoạch cải tạo vùng nông thôn kết hợp với việc hình thành các đô thị ngoại vi, các huyện lỵ mở rộng, huyện lỵ mới và các khu dân cư đô thị gắn với các khu công nghiệp tập trung.

Hướng phát triển chính của thành phố:

- Hướng Đông: vùng Thủ Đức cũ ra tới giáp Nhơn Trạch, Long Thành thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Hướng Nam: vùng Quận 7, 8, huyện Nhà Bè - Nam Bình Chánh hướng ra biển;
- Hướng Bắc: theo quốc lộ 22 (đường Xuyên Á) vùng Hóc Môn, Củ Chi tới giáp Tây Ninh và theo hướng quốc lộ 13 tới giáp Bình Dương;
- Hướng Tây: theo quốc lộ 1, quốc lộ 50 đi đông bằng sông Cửu Long.

#### V. Các giải pháp chủ yếu:

Để thực hiện quy hoạch, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện và vận dụng sáng tạo các biện pháp đồng bộ về cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của thành phố nhằm huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Sau khi quy hoạch tổng thể được phê duyệt, cần cụ thể hóa các mục tiêu và triển khai thực hiện bằng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, dự án đầu tư; xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để điều hành và quản lý. Trong quá trình thực hiện quy hoạch phải cập nhật tình hình, có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để đánh giá và có những điều chỉnh kịp thời.

Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cùng với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu và đề xuất với Chính phủ các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm phát triển đúng định hướng đã đề ra; huy động vốn, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường.

**Điều 2.-** Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có kế hoạch kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch một cách chặt chẽ. Các Bộ, ngành ở Trung ương có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh trong

quá trình thực hiện nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa quy hoạch của thành phố với chiến lược và quy hoạch phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật - xã hội, phù hợp với quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm của khu vực phía Nam và của cả nước.

**Điều 3.-** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ  
**VÕ VĂN KIẾT**

### **QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 546-TTg ngày 16-7-1997 về việc bổ sung thành viên Ủy ban Quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước sử dụng tiếng Pháp năm 1997 tại Hà Nội.**

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Quyết định số 147-TTg ngày 9-3-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước sử dụng tiếng Pháp năm 1997 tại Hà Nội;*

*Xét yêu cầu công việc của Ủy ban Quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước sử dụng tiếng Pháp năm 1997 tại Hà Nội trong giai đoạn hiện nay,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.-** Bổ sung đồng chí Bùi Xuân Nhật, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch làm ủy viên Ủy ban Quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần